TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 265/2024/HS-PT
Ngày: 20-6-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn Thường**
Các thẩm phán: Ông **Phạm Việt Cường**
Ông **Trần Đức Kiên**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đặng Ngọc Gia Linh**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Chiến**, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam. Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa trực tuyến xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 247/2024/TLPT-HS ngày 16 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo Trần Văn B về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*. Do có kháng cáo của bị cáo và bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2024/HS-ST ngày 08/4/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: Trần Văn B**,** sinh ngày 12/5/1993, tại huyện T, Quảng Nam; nơi cư trú: Tổ E, thôn T, xã B, huyện T, Quảng Nam; nghề nghiệp: Nhân viên ngân hàng; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trần Văn T (sinh năm 1970) và bà Nguyễn Thị Thúy H (sinh năm 1974), bị cáo là con đầu trong gia đình có 02 người con; có vợ Nguyễn Thị Thu H1 (sinh năm 1990) và có 02 con, con lớn sinh năm 2014 và con nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không;

Hiện nay bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm khỏi nơi cư trú"; có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn B *theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng:* Luật sư Bùi Bá D – Văn phòng L1, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Q. Địa chỉ: D N, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

Bị hại: Bà Võ Thị Mỹ H2, sinh năm 1986. Địa chỉ: Khu phố F, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2019 đến năm 2022, Trần Văn B là nhân viên làm việc tại Phòng giao dịch của Ngân hàng S (S1) tại T. Trong thời gian làm việc tại đây, Bình thường vay tiền của nhiều người (trong đó có bà Võ Thị Mỹ H2) để cho những khách hàng vay vốn tại ngân hàng vay lại làm đáo hạn và đều trả tiền đúng hẹn. Trong khoảng thời gian này, B còn tham gia đầu tư tiền ảo trên mạng Internet nhưng đến tháng 8/2022 thì bị thua lỗ nên B nảy sinh ý định vay tiền để tiếp tục việc đầu tư. B đã nói dối với các bị hại là vay tiền để làm đáo hạn ngân hàng cho khách nhưng thực tế B sử dụng vào việc đầu tư tiền ảo. Tuy nhiên, sau đó, tài khoản đầu tư tiền ảo của B bị khoá nên không thể rút được tiền dẫn đến B không còn khả năng trả nợ cho các bị hại. Cụ thể:

1. Đối với bà Nguyễn Thị Kim D1: ngày 03, 04/8/2022, Trần Văn B đã 03 (ba) lần đưa ra thông tin gian dối để chiếm đoạt số tiền 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) của bà D1, gồm:

- Sáng ngày 03/8/2022, B nói dối với bà D1 cần vay 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) để làm đáo hạn cho khách, hẹn đến chiều trả lại. Bà D1 đồng ý và chuyển cho B 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng).

- Cùng sáng ngày 03/8/2022, B tiếp tục nói dối với bà D1 cần vay 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) để làm đáo hạn cho khách, hẹn đến chiều trả lại. Bà D1 đồng ý và chuyển tiếp cho B 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng). Đến chiều cùng ngày, B nói dối là do ngân hàng chưa giải ngân được nên hẹn đến sáng ngày 04/8/2022 sẽ trả lại.

- Sáng ngày 04/8/2022, B tiếp tục nói dối với bà D1 là có khách cần 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) làm đáo hạn giải ngân trong ngày (tức là trong ngày trả tiền lại) nên B cần vay 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng). Bà D1 đồng ý và chuyển cho B thêm 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng).

2. Bà Lưu Thị Kim L: trong khoảng thời gian từ ngày 09/8/2022 đến ngày 06/9/2022, Trần Văn B đã 04 (bốn) lần đưa ra thông tin gian dối để chiếm đoạt số tiền số tiền 2.750.000.000 đồng (hai tỷ, bảy trăm năm mươi triệu đồng) của bà L, gồm:

- Ngày 09/8/2022, B nói dối với bà L cần vay 850.000.000 đồng (tám trăm năm mươi triệu đồng) để tất toán khoản vay cho khách hàng lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra chỉnh lý sau đó thế chấp vay lại tiền ở ngân hàng và hẹn thời hạn 01 tháng trả lại. Bà L đồng ý và chuyển cho B 850.000.000 đồng (tám trăm năm mươi triệu đồng).

- Ngày 31/8/2022, B nói dối với bà L cần vay 900.000.000 đồng (chín trăm triệu đồng) để làm đáo hạn cho khách và hẹn thời hạn 01 ngày trả lại. Bà L đồng ý và chuyển cho B 900.000.000 đồng (chín trăm triệu đồng).

- Ngày 05/9/2022, B nói dối với bà L cần vay 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) để làm đáo hạn cho khách khác. Bà L đồng ý và chuyển cho B 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng).

- Sáng ngày 06/9/2022, để giảm bớt áp lực bị bà L đòi nợ, B dùng số tiền lừa của bà Võ Thị Mỹ H2 có được trả cho bà L 507.000.000 đồng (năm trăm lẻ bảy triệu đồng) và nói với bà L là do mới duyệt được 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) nên trả trước 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) đối với khoản vay của ngày 31/8/2022 (900.000.000 đồng) và trả thêm 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) tiền lãi. Đến trưa cùng ngày, B nói dối với bà L cần vay 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) để làm đáo hạn cho khách. Bà L đồng ý và chuyển cho B 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng).

3. Đối với bà Võ Thị Mỹ H2: trong khoảng thời gian từ ngày 31/8/2022 đến ngày 09/9/2022, Trần Văn B đã 06 (sáu) lần đưa ra thông tin gian dối để chiếm đoạt số tiền số tiền 4.000.000.000 đồng (bốn tỷ đồng) của bà H2, gồm:

- Ngày 31/8/2022, B nói dối với bà H2 cần vay 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) để làm đáo hạn cho khách và hẹn đến ngày 05/9/2022 trả lại. Bà H2 đồng ý và chuyển cho B 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng).

- Ngày 05/9/2022, B nói dối với bà H2 là cần vay thêm 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) nữa để cho người anh của B ở thành phố Đà Nẵng vay vì anh này cần tiền để tất toán khoản vay ngân hàng, lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra chỉnh lý sau đó thế chấp vay lại số tiền nhiều hơn, thời gian chỉnh lý là 15 ngày. B hẹn thời hạn 15 ngày trả lại cho H2 tổng số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng). Bà H2 đồng ý và chuyển cho B 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng).

- Ngày 06/9/2022, B nói dối với bà H2 cần vay 1.500.000.000 đồng (một tỷ, năm trăm triệu đồng) để làm đáo hạn cho khách hẹn trả lại sau 02 ngày. Bà H2 đồng ý và chuyển cho B 1.500.000.000 đồng (một tỷ, năm trăm triệu đồng).

- Ngày 07/9/2022, B nói dối với bà H2 cần vay 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) để làm đáo hạn cho khách hẹn thời hạn 02 ngày trả lại. Bà H2 đồng ý và chuyển cho B 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng).

- Sáng ngày 08/9/2022, B nói dối với bà H2 cần vay 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) để làm đáo hạn cho khách hẹn đến chiều ngân hàng mở room thì B sẽ chuyển trả trước 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) (bao gồm nợ cũ). Bà H2 đồng ý và chuyển cho B 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng). Chiều ngày 08/9/2022, B nói dối với bà H2 do Lãnh đạo chưa duyệt hồ sơ giải ngân nên hẹn lại sáng ngày 09/9/2022 trả.

- Sáng ngày 09/9/2022, B tiếp tục nói dối với bà H2 có khách hàng đã trễ hạn 07 ngày nên nhờ bà H2 cho vay 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) để làm đáo hạn cho khách và hẹn đến chiều trả 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) và đến sáng ngày 12/09/2022 trả hết số tiền còn lại. Bà H2 đồng ý và chuyển cho B 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng).

Đối với số tiền 4.000.000.000 đồng (bốn tỷ đồng) nêu trên, B đã dùng 507.000.000 đồng (năm trăm lẻ bảy triệu đồng) để trả nợ cho bà Lưu Thị Kim L, còn lại B sử dụng để đầu tư tiền ảo.

4. Đối với ông Huỳnh Kim K: ngày 02/9/2022, B nói dối với ông K cần vay 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) để làm đáo hạn cho khách nhưng

ông K nói chưa có tiền. B nói ông K cố gắng gom tiền đến ngày 05/9/2022 cho B vay vì khách hàng đang cần. Chiều ngày 05/9/2022, ông K chuyển cho B 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng). Như vậy, B đã chiếm đoạt của ông K số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng).

Đối với số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) nêu trên, B sử dụng 64.000.000 đồng (sáu mươi tư triệu đồng) để trả tiền công, nội thất xây nhà của vợ chồng B; số tiền còn lại, B sử dụng để đầu tư tiền ảo.

5. Đối với bà Nguyễn Thị C: ngày 07/9/2022, B nói dối với bà C cần mượn 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng) để làm đáo hạn cho khách. Bà C nói chỉ có 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), nếu mượn đến ngày 10/9/2022 trả lại thì bà C mới cho mượn. B hứa với bà C đến ngày 10/9/2022 sẽ trả nên bà C chuyển cho B 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng). Như vậy, B đã chiếm đoạt của bà C số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng).

6. Đối với bà Nguyễn Thị Thành V: ngày 09/9/2022, B nói dối với bà V cần vay 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) để làm đáo hạn cho khách và hẹn thời hạn 04 ngày trả lại nhưng bà V chỉ đồng ý cho B vay 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Ngày 10/9/2022, bà V giao cho B 100.000.000 đồng. Như vậy, B đã chiếm đoạt của bà V số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

Đến thời hạn trả tiền vào ngày 13/9/2022 nhưng không có khả năng trả nợ nên Trần Văn B đã tự tử nhưng được cấp cứu và điều trị kịp thời.

***Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2024/HS-ST ngày 08/4/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định*:**

Tuyên bố bị cáo Trần Văn B phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

Xử phạt bị cáo Trần Văn B 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 09/4/2024, bị hại Võ Thị Mỹ H2 có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Trần Văn B.

Ngày 16/4/2024, bị cáo Trần Văn B có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Luật sư đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Trần Văn B.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị: không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn B, bị hại Võ Thị Mỹ H2 và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với các chứng cứ khác nên có đủ cơ sở xác định:

Trong khoảng thời gian từ tháng 8/2022 đến tháng 9/2022, Trần Văn B tham gia đầu tư tiền ảo trên mạng internet nhưng bị thua lỗ nên cần tiền để tiếp tục đầu tư tiền ảo, B đã nói dối 06 người là B cần vay tiền để làm đáo hạn ngân hàng cho khách nhưng thực tế B sử dụng vào việc đầu tư tiền ảo và không còn khả năng trả nợ. Bằng thủ đoạn trên, Trần Văn B đã chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Kim D1 2.000.000.000 (hai tỷ) đồng, bà Lưu Thị Kim L 2.750.000.000 (hai tỷ bảy trăm năm mươi triệu) đồng, bà Võ Thị Mỹ H2 4.000.000.000 (bốn tỷ) đồng, ông Huỳnh Kim K 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng, bà Nguyễn Thị C 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng, bà Nguyễn Thị Thành V 100.000.000 (một trăm triệu) đồng. Tổng số tiền Trần Văn B chiếm đoạt của các bị hại là 9.650.000.000 đồng.

Do đó, Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2024/HS-ST ngày 08/4/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã xét xử bị cáo Trần Văn B về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" với tình tiết "chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên" theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng tội.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trần Văn B, đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Trần Văn B của bị hại Võ Thị Mỹ H2. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Bị cáo đã coi thường pháp luật, dùng các thủ đoạn gian dối, đưa ra các thông tin giả với người khác để chiếm đoạt tiền của bị hại với số lượng rất lớn; hành vi của bị cáo là trực tiếp xâm phạm về quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác. Mặt khác, hành vi của bị cáo thực hiện trong thời gian dài, với nhiều người, gây ảnh hưởng rất lớn đến kinh tế và cuộc sống của nhiều người liên quan, gây ảnh hưởng xấu trong dư luận xã hội về an ninh trật tự và an toàn xã hội.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo đã lợi dụng việc bản thân là nhân viên ngân hàng để các bị hại tin tưởng từ đó thực hiện hành vi phạm tội và chiếm đoạt tiền của nhiều người, phạm tội nhiều lần nên áp dụng điểm c, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015; nhưng bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ đó là: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã khắc phục một phần hậu quả, có ông nội là Liệt sĩ Trần Hữu M (hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu Nước) theo Bằng Tổ quốc ghi công ngày 09/11/1977 của Thủ tướng Chính phủ, bà nội là bà Cao Thị T1 có công trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu Nước theo Bằng khen ngày 25/4/1987 của Hội đồng Bộ Trưởng,có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, bị hại đều đề nghị xem xét trách nhiệm hình sự, mẹ bị cáo già yếu, bị cáo bị bệnhđược quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 12 năm tù là phù hợp, có tác dụng răn đe và ngăn ngừa tội phạm trong giai đoạn hiện nay.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn B, bị hại Võ Thị Mỹ H2; chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo.

[3] Về án phí: theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị cáo Trần Văn B phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự: không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn B, bị hại Võ Thị Mỹ H2 và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm c, g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Trần Văn B 12 (mười hai) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt đi thi hành án.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Trần Văn B phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

4. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Quảng Nam;
- Phòng HSNV- Công an tỉnh Quảng Nam;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Quảng Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Văn Thường